

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phi Anh;

Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Mỹ P**, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: **khu phố B, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: **khu phố B, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2023, bản trình bày ý kiến ngày 05/9/2023, chị **Bùi Thị Mỹ P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Mỹ P** và anh **Nguyễn Văn K** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/8/2019 tại **UBND thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cuối năm 2021, anh **Nguyễn Văn K** xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang **D**. Từ đó, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau, vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, quan tâm đến nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có. Nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, lâm vào tình trạng trầm trọng nên chị **Phấn khởi k** xin được ly hôn với anh **Nguyễn Văn K**.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hà A**, sinh ngày 11/4/2020. Hiện nay, cháu **Hà A** đang ở với chị **P** nên chị **P** có nguyện vọng được

nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **Nguyễn Văn K** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thông tin xuất cảnh của anh **Nguyễn Văn K**: Theo Công văn số 2538/PA08- Đ1 ngày 31/8/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh **Công an tỉnh Q** thì anh **Nguyễn Văn K** đã được **Cục Q** cấp hộ chiếu số C9371516 để xuất cảnh lần gần nhất 13/10/2021 qua **Sân bay quốc tế T**, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án phải tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Nguyễn Văn K** thông qua người thân của anh **K** là ông **Nguyễn Văn H** (bố đẻ anh **K**), hiện trú tại: **khu phố B, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị**.

Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 9 năm 2023, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L (bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn K) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Văn K** và chị **Bùi Thị Mỹ P** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/8/2019 tại **UBND thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Sau khi kết hôn, anh **K** và chị **P** chung sống với ông **H** và bà **L** đến cuối năm 2021 thì anh **K** xuất khẩu lao động tại **Công hòa liên bang Đ1**. Thời gian chung sống với ông **H**, bà **L** thì anh **K** và chị **P** chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi anh **K** xuất khẩu lao động thì thấy vợ chồng ít liên lạc với nhau. Khi nhận được thông báo của Tòa án về việc yêu cầu ly hôn của chị **P** thì gia đình có thông báo với anh **K**. Thông qua gia đình thì anh **K** đồng ý ly hôn với chị **P**.

- Về con chung: Có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Hà A**, sinh ngày 11/4/2020. Hiện nay cháu đang ở với ông **H** và bà **L**. Về việc nuôi dưỡng cháu **Hà A** thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về việc liên lạc với anh **K**: Hiện nay, anh **K** đang làm việc tại cộng hòa liên bang **D** nhưng ông **H** và bà **L** không biết địa chỉ cụ thể. Gia đình thường xuyên liên lạc với anh **K** thông qua ứng dụng Messenger nên gia đình sẽ có trách nhiệm chuyển giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **K**.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Mỹ P** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn K**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hà A**, sinh ngày 11/4/2020 cho chị **Bùi Thị Mỹ P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Văn K** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **P** không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị **Bùi Thị Mỹ P** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị **Bùi Thị M** Phán khởi kiện xin được ly hôn anh **Nguyễn Văn K**. Theo Công văn số 2538/PA08- Đ1 ngày 31/8/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh **Công an tỉnh Q** thì anh **Nguyễn Văn K** đã được **Cục Q** cấp hộ chiếu số C9371516 để xuất cảnh lần gần nhất 13/10/2021 qua **Sân bay quốc tế T**, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Như vậy, vụ án có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị **P** và người thân của anh **K** không cung cấp được địa chỉ nơi anh **K** đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, anh **K** vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Anh **K** đã được người thân thông báo về việc TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết vụ án Chị **Phán khởi k** xin ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt kế hoạch giải quyết vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến cho anh **K** thông qua ông **Nguyễn Văn H** là bố đẻ của anh **K**. Ông **H** đã nhận và cam đoan thông báo lại cho anh **K** nhưng anh **K** không đến Tòa án để giải quyết việc chị **P** có yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Tòa án tiến hành các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn là chị **Bùi Thị Mỹ P** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh **Nguyễn Văn K** được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Bùi Thị Mỹ P** và anh **Nguyễn Văn K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/8/2019 tại **UBND thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị **P** và anh **K** là hợp pháp. Nay, chị **Bùi Thị M** Phán khởi kiện xin ly hôn anh **Nguyễn Văn K** nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Bùi Thị Mỹ P**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thời gian đầu, vợ chồng chị **Bùi Thị Mỹ P** và anh **Nguyễn Văn K** chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021, anh **K** đi xuất khẩu lao động tại Cộng hoà liên bang **Đ**. Từ đó, vợ chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm phai nhạt, không chia sẻ, quan tâm đến nhau, không tìm được tiếng nói chung. Sau khi nhận được thông tin chị **P** yêu cầu ly hôn, anh **K** không có nguyện vọng đoàn tụ mà thông qua gia đình cũng thể hiện đồng ý ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị **Bùi Thị Mỹ P** và anh **Nguyễn Văn K** không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị Mỹ P** để xem xét cho chị **P** được ly hôn đối với anh **K**.

[3]. *Về con chung*: Chị **Bùi Thị Mỹ P** và anh **Nguyễn Văn K** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hà A**, sinh ngày 11/4/2020. Chị **P** có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn. Hiện nay, anh **K** đang lao động tại Cộng hoà liên bang **Đ** nên không thể trực tiếp nuôi con chung. Do đó, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị **P**, giao cháu **Nguyễn Hà A**, sinh ngày 11/4/2020 cho chị **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **P** không yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị **Bùi Thị Mỹ P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị Mỹ P**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Mỹ P** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn K**.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 11/4/2020 cho chị Bùi Thị Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000433 ngày 05/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (chị P đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Mỹ P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND TT Cửa Việt;
- Tổ HCTP;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Trung